

DUY-MA KINH LƯỢC SỞ THÙY DỤ KÝ

QUYỂN 10

PHẨM PHẬT ĐẠO

(Từ đây trở về sau đều cùng Chương An soạn riêng)

Nói từ không nhập giả quán, có hai: a, nêu chương. b, tùy giải thích, nói ý có phẩm này. Ngài Kinh Khê nói: “Chánh thành phẩm Thăm Bệnh mà nói Biệt giáo... hỏi: Tướng chung ba quán nghĩa ở viên, nay sao nói ở Biệt? Đáp: Đối xuất giả biên, nghĩa nói là biệt mà thôi. Trong văn ủy dụ của ba giáo trước tướng chung “thông tướng) vẫn còn ý thứ lớp, chính là do đây.

Giải thích tên phẩm, nêu tên. Lược nói từ nhân mà đạt được quả, nhân quả tuy khác mà lý thể Không hai. Mới quán gọi là nhân, quán sau rốt gọi là quả. Nhân quả trước sau, đều không là lý, hay thông suốt đến hai nghĩa đều thành.

Thử dĩ...” là tổng kết. Phật tức là trí, đạo tức là lý, cũng có thể nói năng sở mà nêu tên. Phật là năng giác, đạo là sở giác. Cũng có thể nói nhân pháp mà nêu tên. Phật tức là nhân, đạo tức là pháp. Tuy đây chẳng đồng nhưng không ngoài lý trí. Vì người có trí hay giác về lý, và lý là pháp được giác. “Chánh như ...” là dẫn văn rộng giải thích, có hai: dẫn văn và “nói chẳng phải...” là giải nghĩa. Có ba thứ đạo. Đạo này cũng do thông suốt làm nghĩa. Phiền não thông suốt nghiệp, nghiệp thông suốt khổ, khổ thông suốt hoặc, hoặc lại thông suốt nghiệp, lần lược lần lượt thông nhau nên gọi ba đạo.

Lý chẳng phải đạo... ngài Kinh Khê nói: văn tuy nói giả, nhưng ý lại thông ở trung, nên nói là lý. Cho đến công đức trí tuệ của Phật đạo đều là giả nhiếp lý mà nói, tức chỉ ba đạo vốn là thể ba đức, lại toàn là pháp tánh trung đạo. Xuất một mà giải thích thì là thông là cực, vì giáo nghĩa Phương đẳng nên khiến như thế. Thật tướng trí tuệ của chư Phật, thì khổ tức là thật tướng, hoặc tức là trí tuệ, nghiệp tức là công đức. Ba thứ này đều lý, nên nói là lý. Liệu giản, nói phi đạo Phật đạo tức là

nhân duyên Phật tánh, nói phi đạo tức nhân duyên, hỏi, ngài Kinh Khê nói: Phẩm này không ước nhân duyên... trong tám đoạn sau không có mười hai tên. Đáp, nói chín giới mỗi giới đều có đủ ba đạo, ngài Kinh Khê nói: Ý đáp là tuy không nói riêng mà thành chung cả, đâu chẳng phải tám đoạn mười hai nhân duyên ư? Nói tất cả phi đạo... như đây đã nêu, đâu vượt ngoài ba đạo. Đối văn mà điểm thì nghĩa tự bày rõ, hướng lại chín đạo gồm thấu tất cả ba đạo nội ngoại giới, để khiến phi đạo tức Phật đạo. Cho nên nói chín giới đầy đủ, như nêu dưới đây. “Chỉ đây...” là nói nguyên nhân chẳng chọn Bồ-tát, dựa vào văn chẳng chọn, tên Bồ-tát thông cả Biệt Viên. Cho nên Ngài Kinh Khê nói: “Vì có đạo Bồ-tát bốn giáo nên đồng. Hai Bồ-tát trước chỉ là đạo Bồ-tát Nhị thừa nên không nói. Biệt giáo chính là đạo Bồ-tát. Còn Viên giáo thì hoặc là Phật hoặc là Bồ-tát. Nay nói Biệt Viên nhập trung, vì sơ tâm của biệt cũng tu trung, nên lại được nói là tu Phật đạo. Tạng, Thông có bi nguyện giúp viên đốn. Nên ngài Kinh Khê nói: “Phương tiện ...” là chỉ cho Tạng, Thông tiến đến tạm kết trọn về lỗi ấy. “Lại nữa...” là ước nghĩa cần chọn. Ngài Kinh Khê nói. “Lại nữa phẩm này...” là nêu cạn theo sâu, tất cả đạo đều thuộc phương tiện. Phương tiện đã khắp, há ngăn cách Tạng, Thông. Khấp nhập lại đoạn, nên viên là chánh. Song đạo đối phi đạo, phi đạo đủ cả mười. Cho nên biết mười giới, hoặc từ tên nhiếp, hoặc từ thể phân ra, hoặc nhân quả tướng hình, hoặc ban cướp tạm lập. Cho nên Phật giới hoặc chỉ ở viên, hoặc lui về lấy biệt, hoặc đều lấy địa trụ, hoặc mất địa chỉ có trụ, hoặc thông nhân, hoặc chỉ ở tại quả. Rốt ráo mà luận thì viên quả là chánh. Nghĩa thông từ thể nhiếp sơ tâm của viên. Nói Phật đạo tức là Phật tánh, có hai: a, hỏi. b, đáp. Nói phi đạo là ba nhân, có hai: hỏi và đáp. Ngài Kinh Khê nói. Đại kinh nói mười hai nhân duyên là Phật tánh... hỏi tên Phật tánh há riêng duyên liễu. Dấu thông nghĩa duyên liễu mà dựa vào sinh tử, thì vì sao sinh tử lại gọi là nhân duyên liễu. Nếu nói chỉ chánh không phải duyên liễu, thì sinh tử ba đạo sao gọi là chánh? Ba thứ đều không thành, thì ý kinh ở đâu? Thế nên cần phải nương vào ba đạo, ba đức, ba thứ chánh chủng Phật tánh này vậy. Cho nên lại dẫn Đại kinh để lập trung đạo. Trung đạo nếu lập thì duyên liễu có thể thành. Hướng là mười giới một tâm, đủ cả mười hai. Trăm giới mỗi mỗi không đâu không phải là đạo tràng. Cho nên biết trong đây đều là chánh nhân của hai thân. Duyên liễu của pháp thân, ba tánh của sát-na, ba đức của sinh tử, luôn hiểu rõ như thế thì mới giải thích được kinh này. Nói Phật tánh được nói cùng Đại kinh không khác, nói Phương đẳng cũng nói Phật tánh, dẫn xưa để

nói lỗi mà hỏi. b, chuẩn theo kinh bày hủy báng mà đáp. Ngài Kinh Khê nói: Nay Phương đẳng này... là gồm chê xưa. Nay trong kinh này bộ không có mười hai, đâu không có Phật tánh. Ý nói Đại thừa Không có chẳng đủ, rộng hỏi mà ghi. Ý này chính nói có ba thứ nhất định đại mà không có ba thứ nhất định tiểu. Bất tất phải mười hai mới gọi là đại. Chỉ có Niết-bàn, Pháp Hoa đủ mà lại đại, còn các bộ khác đây với bất thường hỏi: Kinh này văn nào chánh đáng là ba bộ? Đáp: Đều là bất tư nghì cả, há không phải là Phương quảng, tuy không có biệt ký mà có thông ký. Tất cả chúng sinh tức là ba đạo, cho nên không có thứ nào mà chẳng đủ, lý đáng được thành, ký há ở ngoài đây mà nói là không có ư? Phẩm Phương Tiện trước là vô vấn tự ký. Lúc đầu tuy là cư sĩ nhưng ẩn cuối nào khác. Huống lại Niết-bàn chỉ cho mười hai bộ, trông mười hai bộ để định Đại Tiểu. Cho nên chỉ có Phương quảng mười hai thứ khéo thành. Vô vấn và ký cũng thông cả đại tiểu. Cho nên không có hai nghĩa này cũng khéo thành. Nói hai kinh tên khác mà nghĩa đồng, có hai: hỏi và đáp, chánh bày tên khác thể đồng. Ngài Kinh Khê nói: Chúng tánh tức là tên khác của mắt mày. Tuy là tên khác nhưng đều là nghĩa Biệt. Nếu nói thường sinh thì phải từ chủng mà lập. Nếu nói không đổi, thì phải lấy tánh làm tên. Chỉ tùy tiện lợi mà nêu nghĩa lý đều gồm đủ. Kinh nay vả lại từ thường sinh làm tên. Thế nên trong văn phần nhiều đều từ chủng mà lập. Phải biết chủng là chủng tánh gia, tánh là tánh chủng gia. Không biến nên hay sinh, hay sinh nên không biến đổi. Hai thứ này tất cả đều vô thí vô chung, lâu xa thường còn hãy tin chắc như thế. “ Nếu bảo ...” là dẫn luôn nương hai đế mà hỏi lại. Nói chủng tánh mỗi thứ đều có ba nghĩa hợp nhau, có hai: hỏi, ngài Kinh Khê nói: Nếu Phật tánh có ba... là ý muốn nói đồng trước từ hơi khác. Văn trước tuy nói đạo tức là tánh, đây chỉ là thông tên đường mà nêu tên phẩm. Nay hỏi trong phẩm có ba chủng chẳng? Đáp, hiểu đồng Niết-bàn. Chủng chi ...” là kết bày dẫn chứng. Ngài Kinh Khê nói: Chủng tương thể tánh. Ý trong đây dẫn bốn tên, tên khác mà nghĩa đồng. Nay chủng tánh này khiến khác hẳn, hình tướng bày bên ngoài, còn tánh thì đồng, chủng từ trong sinh ra thì lý phù hợp với tánh. Nói chủng tánh đều là lý thường..., ngài Kinh Khê nói: Hỏi: Chủng lấy thường sinh (năng sinh) làm nghĩa... tất cả chư Phật hai nghĩa là gốc. Cho nên biết chân như, pháp giới, pháp tánh bí tạng đều phải đối với chủng mà hỏi. Đáp, ngài Kinh Khê nói: “Trung, tức lấy duyên liễu làm chủng, nghĩa từ trong mà tìm. Phương tiện so sánh mà nói mới bày được chánh tánh cũng gọi là chủng. Cho nên biết ba đạo thường sinh ba tánh, hà tất phải chấp chặt là do bên

ngoài sinh. Huống lại cũng phải chọn loại mà giải thích chủng, đầy đủ như phẩm Dược Thảo Dụ của Pháp Hoa mà sơ đã nói. Cho nên không phải chỉ chánh chủng, không phải nhân mà nhân. Nghiệp hoặc duyên liễu cũng như thế. Thế thì ...” là hiển nghĩa có chủng. Cho nên đối nghịch mà nói duyên liễu cũng được gọi là tánh. Thế thì ba tên đều chủng đều tánh, nghĩa đồng. Cần nên khéo nghĩ. Tâm cảnh chẳng khác, nghĩa lý tự hợp. Nói hai kinh hiển và mật lợi ích đồng, chấp Niết-bàn hiển ích nói khác mà hỏi. Dựa vào kinh nay mật tích bày đồng mà đáp. Ý đáp: Bồ-tát thì hiển nhập, Nhị thừa thì mật nhập. Thấy lý Phật tánh ích đồng Niết-bàn. Nhờ đây mà khiến Nhị thừa và độn căn Bồ-tát chưa được liền ngộ. Cũng nhân trách tích để thành đề hồ. Cho nên hai kinh nói lý thường không khác dấu. Chỉ khai và chưa khai nên có phân cao thấp. Nói nhân duyên đối tánh chung riêng, Hỏi: Sao lấy thiên mà phán quyết... nghĩa là lấy ba đạo mỗi thứ đối một tánh gọi là thiên phán quyết. b, Đáp, ngài Kinh Khê nói: Nếu như chỗ hỏi thì là nghĩa chung. Chung riêng chỉ có nghĩa là ly hợp. Đủ như trong Pháp Hoa sơ và Bát Nhị Môn. Pháp tánh năm ấm có vô minh ác nghiệp... vô minh là hoặc, ác nghiệp là nghiệp. Năm ấm vô ký vốn tên là pháp tánh. Do có thêm hoặc nghiệp nên chấp ấm thành mê. Cũng là pháp tánh xưa nay thanh tịnh, cho nên sử ba thứ mê thì đều mê. Mê lý bốn tịnh, nhân quả đối nhau mà nói. Cho nên nói có vô minh ác nghiệp liền thành sinh tử, chuyển đổi liền gọi là tịnh. Nói vô minh tức liễu nhân, có hỏi và đáp. Bảy thức là chấp kiến. Tiêm sư nói: Luận ấy quyển năm nói: Hai thứ có ý nhiệm ô cùng bốn thứ phiền não tương ứng:

1. Thân kiến.
2. Ngã mạn.
3. Ngã ái.
4. Vô minh.

Ngài Kinh Khê nói: Bảy thức là một do chấp mà thành khác. Do kiến thức này là chứng liễu nhân. Từ liễu gọi là trí, từ mê gọi là kiến. Người xưa không cùng chấp chung nên có tranh cãi. Sáu thức làm duyên thì cũng thế. Nói Bát-nhã, Pháp Hoa luận tánh không khác, có hỏi và đáp, nói năm tên Phật tánh Bát-nhã. Đã gọi là Bát-nhã nên biết Bát-nhã là tên khác của Phật tánh. b, nói Pháp Hoa giải hai quán. Quán tức năng quán, tâm tức sở quán. Năng quán là Phật, sở quán là đạo, nên gọi Phật đạo. Vì nhân duyên ba đạo vốn một tâm, nên tức ba đức. Cho nên đủ như chỉ quán thiền cảnh dùng mười thừa quán nhân duyên vậy. Ngài Kinh Khê nói: quán tâm, là trước tuy đã ước mười hai nhân duyên,

mười giới ba đạo, nhưng chưa nói các thứ này là quán cảnh. Nay nói mười giới, mười hai nhân duyên chỉ là một niệm, cùng trước nào khác, e người không hiểu nên phải riêng nói. Ở việc vừa rồi không có gì khác. Một tâm một sắc đều là mười giới tức không, giả, trung. Huống lại nêu tâm và hoặc đã thành trí. Nghiệp tùy quán chuyển, tự được tên giải thoát. Rốt ráo mà luận thì khổ là chánh cảnh. Khổ trên nghiệp hoặc cũng rất rõ ràng. Cho nên khổ, sắc, tâm ba nghĩa đầy đủ. Thế thì đến không chướng ba đức, là hay thông đến tột cùng, nên gọi không chướng. Như chữ y là nhân quả sự lý đều được dụ như chữ y. Chuẩn theo chỗ khác nói thì lý một tu hai nhân cùng quả đều không thành chữ y. Thường, vô thường... lý cần nói rõ. Vào văn giải thích, phân khoa nêu ý, ngài Kinh Khê nói: Nếu căn cứ gọi Như Lai chủng, thì ba đạo này đều có nghĩa thường sinh và duyên liễu. Hay sinh duyên liễu đã như trước lập. Lại phải hỏi rằng: Chánh há chẳng phải chủng. Tự hành đến công đức là từ tự hành mà nói, chỉ do hai trí hay hiển pháp thân và giải thoát. Dùng hai trí quyền thật Bát-nhã khế hợp với cảnh, không gọi là công đức. Hóa tha hai trí cùng gọi là quyền. “ Văn đầu ... ” là tùy văn giải nghĩa, có ba: a, nói Phật đạo, có hai: a, phân khoa. Tùy giải thích, ngài Văn-thù lược hỏi. Ngài Tịnh Danh lược đáp. Ngài Kinh Khê nói: phải biết ý đáp đầy đủ hai nghĩa:

1. Xuất giả.
2. Tức lý.

Nếu không xuất giả thì không do đâu mà hiển rõ thông tướng thứ lớp. Nếu không tức lý thì không do đâu mà hiển lý giả thông nhân. Bấy đoạn dưới trở đi là hiểu sâu ý này, thì mới gọi là đại chỉ của văn phẩm này. “Lại nữa ...” là lại phân biệt xuất giả. Phi đạo căn cứ sự Phật đạo đầy đủ chỉ nói giả trí là phi đạo... kiến tức là nhập ngoại đạo. Nhập phải viết là (thị) vì nhầm. Ngài Văn-thù lại hỏi. Ngài Tịnh Danh rộng đáp, có hai phân khoa. và tùy giải thích:

Dựa nhân quả vô gián, lược nêu. Ngài Kinh Khê nói: Thị hiện chịu quả ở tam đồ.

Hỏi: Quả vô gián sao gồm cả quý súc mà gọi chung là tam đồ ư?

Đáp: Hai thứ kia tức là quyến thuộc với vô gián “địa ngục), vì khi có nghiệp nhân thì sẽ theo nhau. Hai nghiệp ác thú cũng có thể là dư báo thông với hai cái kia. Đây là nói môn Bồ-tát lợi vật cũng do quán xưa có nguyện lực nghịch tâm. Cho nên thành quán nhân mặc tình khế hợp.

“Dị nhị hà giả ...” là rộng giải thích, giải thích nhân ngũ nghịch,

nói tự hành, nói thông đạt Phật đạo, có hai: a], căn cứ nhân chánh bày thông đạt. Ngài Kinh Khê nói: “Hà giả ...” là nêu quán xưa để làm nhân giả, há đợi khi nhập mới gọi là thuận. “Huống có ...” là lấy nhân so quả. Tức chữ A... đã là thông tướng của quán nhập giả. Cho nên được dùng chung quán môn vô sinh và vô cấu... để làm hạnh ấy. Nếu thế thì cũng được gọi là giả bất tư nghi. Nhưng đối với Biệt giáo cũng gọi là thứ lớp. Và độn Bồ-tát vẫn gọi là sinh tô. Đối với người lợi căn liền gọi nhập trung. Hội này được nhập đã gọi là thượng thượng. Ở trong thượng thượng đều có trước sau. Mọi chỗ đều kết tướng đặc đạo. Từ “Nếu biết” đến “thông đạt Phật đạo” tức là văn ấy. “Nghịch tâm ...” là dùng quán tâm. Chủng tánh không đồng khắp ở các giáo các vị, các hạnh, các đạo. Nói đốn tiệm... là đủ vượt đầu cuối khiến một đời hóa độ không đâu không phải là Phật đạo, giả bất tư nghi. Cho nên biết thông tướng gồm đủ giả ba thứ Bồ-tát và giả của địa trụ bất tư nghi. Chuẩn nghĩa cũng gồm giả của ba kỳ. Nhưng chỉ ước hiển giáo không phải từ không mà xuất. Thế nên trong đây không được luận. “Đây tức ...” là đối quả kết thành ba đạo, chánh bày ba đạo. “nay lấy ...” là nêu nặng so nhẹ. Ngài Kinh Khê nói: Nay lấy ác nhất... nó là ác bậc nhất trong các ác. “Vốn “không...” là đối thăm bệnh mà kết bày. Bồ-tát ...” là nói hóa tha, có hai: kết trước sinh sau. Thị hữu ...” là chánh nói hóa tha. Ngài Kinh Khê nói: Sở dĩ bày đủ hai chủng tướng. Nếu chỉ bày có thể sám hối thì sợ người bảo rằng nói nghịch tội không có quả. Nếu chỉ không sám hối thì e người cho rằng nói tội không thể diệt mất. Để trừ tà chấp và sinh hai thiện, nên tùy căn cơ mà lập hai thứ này. Ta chịu... đây có hai nghĩa. Nay từ nội thật rõ ràng mà không mất vui lãng nghiêm. Há chỉ riêng nói ba thiện mà thôi. Nếu từ tích mà luận bèn thị hiện kháng cự tội cùng không xấu hổ. Cho nên nay từ bên xuất giả đó mà nói ba thiện. Bèn là lời khai tích. Do đó mà được làm bốn tích để giải thích. Các kinh Đại thừa chỉ trừ bí mật cửu bốn của Như Lai và lời ký Tiểu thừa thành Phật. Ông Điều-đạt mở văn kinh luận cùng có. Phương đẳng Bà-tửu tức là lệ ấy. “Đến như ...” là giải thích quả tam đồ. Nhập vô cấu Tam-muội, ngài Kinh Khê nói: Các văn trong đây đều dùng các Tam-muội trong hai mươi lăm Tam-muội. Vì vương Tam-muội chỉ là tam đế Tam-muội mà thôi. Vì vương thứ lớp nên chỉ dùng tục. Các câu tiếp theo mỗi mỗi đều như thế. Bà-tửu như trước đã ghi. Tượng... đủ như trong Chỉ quán ký. Đoác điếu, Nhĩ Nhã, Quách Phác chú rằng: Lớn như con bò câu, giống con trĩ mái. Căn cứ sắc ở Vô sắc giới. Mười một Tam-muội. Là hai mươi lăm Tam-muội đối phá hai mươi lăm hữu, đủ như trước đã ghi. Nay nói

mười một, tức là bốn Thiên, bốn Không, Phạm vương, Vô tướng, Na-hàm vậy. Căn cứ ba cõi. Căn cứ mười tế. Ngài Kinh Khê nói: mười thứ này phần nhiều là đấng. Đã không phân biệt phần nhiều là nói chung. Song chuẩn về pháp giới thì nhất định là thuộc nghiệp đạo. Các thứ kia phần nhiều đều là phiền não nên nói nhiều. Cho nên biết nếu bên trong khởi tức thuộc phiền não. Không thể chế phục, là phần nhiều thuộc nghiệp đạo. Vì không chỗ thọ mà thọ mười tế. Tuy dịch mười tế thành độ, nhưng đối các tế đều thấu đạt trung. Căn cứ Nhị thừa, ngài Kinh Khê nói: Như các ngài Thân Tử, Thiện Cát... phải biết là bị chê trách và được gia bị, chỉ là từ tích mà thị hiện hạnh thứ lớp. Nay căn cứ vào bốn thuyết mà nói không thọ....

Căn cứ ác báo nhân gian, ngài Kinh Khê nói: Thị nhập đến nhận bốn châu thiên hạ... kinh không có bốn tên phải từ nghĩa mà lập. Vì sao, nếu chuẩn về hạ tiện xấu xí mà nói thì phần nhiều là ở Nam bộ châu. Còn việc giả bệnh và thê thiếp thì chung cả tám châu kia. Bắc châu lại đánh được không có bệnh hoạn. Độn căn thì có thể chung cả bốn châu, nên được gọi chung là bốn thiên hạ. Kinh không có nói Tu-la và trời Lục dục. Tu-la ly hợp có không có thể biết. Lục dục hoặc là lệ là lệ theo trên nên lược bỏ. Trong văn thứ lớp, lược nêu lục dục. Đoạn dứt nhân duyên ước bốn giáo. Nhân vị Biệt Viên cũng thuộc các đạo vì chưa thuần tịnh, cho nên đoạn chung các thứ.

Căn cứ nhập vô dư, trừ bậc Diệu giác của Viên. Ngài Kinh Khê nói: “Họ nói phi đạo việc ấy rất gần. Nay nói chỉ còn một phẩm vô minh kia. Vì còn là phi đạo, nên chỉ trừ có Phật là Phật đạo tốt cùng. Song ngài La-thập giải thích phi đạo có ba thứ:

- a. Quả báo ác thú.
 - b. Hạnh nghiệp ác thú.
 - c. Thế tục thiện nghiệp và thiện quả báo.
- So trong lời giải nay rõ ràng là rất gần.

Tổng kết. Nói Như Lai chủng, có hai: a, nêu ý phân khoa, ngài Kinh Khê nói: “Hai Đại sĩ này... là họ cùng vấn đáp nhau cũng như hai chày giả đập nhau. b, tùy văn giải thích, ngài Tịnh Danh hỏi. Ngài Văn-thù đáp, huyền nói nghĩa chỉ, lược nêu. Nói như ...” là rộng giải thích, chánh giải thích Như Lai chủng, có hai: a+, dẫn luận nói chung. Ngài Kinh Khê nói: Như hiểu về pháp tướng... như phi đạo ấy tức là Phật đạo pháp tướng. Sinh hiểu biết lại y đó mà nói mới xứng Như Lai, hay nương quán này tức là Như Lai hạnh. Thế nên dẫn mà nói chung là hạnh. “Ba thứ ...” là dựa vào nghĩa riêng mà giải thích, giải theo lý, ước chủng mà

nói, “nói như ...” là căn cứ Như Lai mà nói. Dùng ba chủng trước mà sinh ba Như Lai. Chánh nhân thì sinh pháp thân, liễu nhân thì sinh báo thân, duyên nhân thì sinh ứng thân. “ Như pháp ...” là giải thích theo hợp, dẫn văn tóm lập. b, “chủng dĩ ...” là ước nghĩa giải thích thành. Ngài Kinh Khê nói: Chủng lấy năng sinh, tánh, loại ba nghĩa, trước đã cùng hội, nay cần đối luận, cho nên lại luận. Thật ra năng sinh sinh chủng loại. Sinh loại này dứt khoát không biến đổi. Nếu không có khổ đạo sao có tướng một, nếu không có nghiệp đạo sao có đờn chỉ. Nếu không có phiền não sao có trí tuệ. Thuận giáo phương tiện cũng gọi là chẳng cùng loại. Cho nên các kinh khác đều lập riêng. Nay nói có nghĩa loại sinh có thể thành. Sinh tất không từng đoạn mà thẳng đến quả. Cho nên nay lập cùng thành hóa tướng. Cho nên giải thích chủng loại bèn phụ thêm cận tình. Do ước loại mà nói, e người không hiểu mà cho là diệt mất chủng không phải loại cho nên khi phụ thêm tình thời mà phân biệt các giáo khác. Biết giáo phương tiện không nói chân chủng, tức phụ thêm tình mà nói nghĩa, là văn đó. “ Nay ước ...” là căn cứ chúng sinh mà giải thích thành, có kết trước nêu chung. Ba cái không có trước sau, vì hoặc nghiệp cùng thân đồng thời mà có. Trọn không có một người trước có hoặc nghiệp, sau mới có thân. Nếu hoặc nghiệp có trước đâu khác gì mờ mịt lúc xưa. Do đó suy ra biết là không có trước sau. Nếu nói đồng thời, sao nói rằng hoặc nghiệp làm nhân cho thân. Cho nên biết tuy không trước sau, nhưng cần nhân phiền não thì mới có thân. Ví như đèn và sáng đồng thời mà có. Cần nói nhân đèn mà có sáng, không thấy mà nói, thì nhân sáng mà có đèn. Cho nên nói cũng không phải cùng một lúc. Cho nên biết mê vọng ba đạo còn chẳng dọc ngang thấu suốt vọng ba đạo là chân ba đế, há là dọc ngang ư? “ Nếu phụ ...” là dựa vào nghĩa giải thích riêng, có hai: a, phụ tình căn cứ nghĩa tư nghi mà giải thích, ước chướng chánh nói, phá chướng thành chủng. “ Đây nhiều ...” là kết bày phán quyết mà giải thích, kết nêu không phải Viên. “Nếu trừ...” là ước người phán quyết giải thích, nói Nhị thừa Không có chủng. “Cho nên đại...” là chứng phạm phụ cùng có. Ngài Kinh Khê nói: Cho nên Đại kinh đến người thiện căn không có, là hiển bày phi đạo có thể diệt, thiện đạo có thể thành. Lại đem không này nhập vào câu sau có người thiện là đó. Lại người thiện là chỉ cho có thiện hữu lậu. Đến lúc nghe sau thì kham thành nhân duyên. Thế nên duyên này từ xưa đã gọi là chủng. Nói đều không, tức chỉ cho liễu nhân, ngại gì một câu vô thỉ toàn không. Cho nên nay từ ở toàn không mà nói. Hoặc là liễu từ hiển liễu mà nói. Nếu thế thì duyên liễu cũng là không.

Đâu chỉ riêng ở liễu, làm thành bốn câu. Cho nên duyên từ có mà nói. Liễu nhân lại từ tướng che mà nói. Căn cứ thức gồm giải thích, căn cứ thức chánh nói. Ngài Kinh Khê nói. Không có tám thức thì không có sinh tử Niết-bàn. Thức thứ tám là dị thực nên nói là sinh tử, tức thể sinh tử này là Niết-bàn. Lại tánh thể của thức này gồm hai thứ này. Nếu thế thì thức thứ sáu thứ bảy cũng là sinh tử, sao không được gọi tức Niết-bàn? Đáp: Nếu đối chung thì nghĩa cũng có thể như thế. “Chân đế...” là hai sư chấp khác, kể giải thích của hai sư. Ngài Kinh Khê nói: Như Địa luận chấp nhận thức thứ bảy để đoạn, thức thứ sáu để diệt trí chướng, là nói thức thứ bảy thường lấy tướng thanh tịnh của tám thức, chân tu chưa hiển đều thuộc sáu thức. Nên nay trong sáu thức thì trí chướng diệt. Tức hiển bày thanh tịnh chân tu trong tám thức. Dựa theo trung luận mà phá. Ngài Kinh Khê nói: Các sư Địa luận lấy tám thức làm tự, các sư Nhiếp luận thì lấy tám thức làm tha, cho nên bị Trung luận kiểm phá. “Kinh nay...” là phụ căn cứ lý bất tư nghi để giải thích, nói tức chướng thành đức, pháp, ngài Kinh Khê nói: Kinh này thức, phiền não, bất thiện... dùng Trung luận phá rồi, thì mới hiển ba chủng đạo kinh này. Nói thân... là thức thứ sáu thứ bảy trong thân tự có báo pháp đều thuộc khổ đạo. Khởi phiền não, tức thuộc phiền não, kết nghiệp thành tự liền thuộc bất thiện. Ba tức ba nhân, sao luống tranh cãi. Dụ. Hợp dụ. “Nếu bồ...” là căn cứ chứng ngộ để hiển dung nạp, có hai: a, dựa vào sáu phen nói chứng ngộ, tức Trụ Hạnh Hưởng Địa Đẳng giác Diệu giác. Nhờ sáu chủng tánh của Anh lạc mà nói ba thứ đẳng tu, trước đều là đẳng, nhưng chỉ thứ lân quả này riêng được tên đẳng. “Ba thứ này...” là kết ba tánh hiển bày cùng dung nạp. Ngài Kinh Khê nói: Không phải đẳng trước sau. Chỉ khi ba đạo tự không phải dọc ngang, há được chí quả mới như chữ nhất. Chủng nếu dọc ngang thì quả không phải vốn có lý tánh của y. Quán sâu ba đạo là ở chỗ nào, đã ở tại một niệm thì không thể dọc ngang. Cho nên biết nhân quả đều như chữ nhất. “Đến văn...” là phân khoa nêu chung, phân khoa sáu đoạn. Kết thành ba chủng, nêu ba chủng chung riêng. Ngài Kinh Khê nói: phạm ba môn không đồng khổ môn, thông môn, biệt môn, văn sau mỗi mỗi đều thứ lớp nêu rõ. Nếu ở khổ môn mà nói nghĩa, thì ba đạo theo nhau đều là thuộc khổ. Thông tướng đã nói mỗi mỗi đều ba, đối bốn khổ môn nên có ly hợp. Ba đạo lại biệt nên không thể chuyên thông. “Nhưng chúng...” là hiển bày công năng liễu nhân. Do tuệ thấu suốt phiền não, trái hoặc thành trí, cho nên ở mê do hoặc nhuận sánh, ở ngộ thì do trí hiển lý. Mê ngộ tuy khác nhưng công năng thật đồng. Nếu căn cứ vị, thì liễu nhân tức là vị danh tự.

Nghe viên mà khởi tin, trái hoặc thành trí, đạt bốn thì có lý. Lý tức chánh nhân, dùng trí dặt hạnh, hạnh tức duyên nhân gọi là quán hành tương tự. Ba nhân thành tựu, đây bèn là một tánh hai tu cùng thành ba nhân. Lý tức chánh nhân danh tự..., ba tức duyên liễu vậy. Như vừa phân biệt lấy trí dặt hạnh, hạnh và trí kế lý, ba pháp phù hợp nhau không khác mà khác. Đến thập tín thì gọi là thành tựu. Vào vị sơ trụ phá hoặc vô minh, thấy bốn có lý, nên nói là pháp thân hiển hiện. Song đến sơ trụ tu tánh nhất hợp, lại không có phân bày, ba pháp đều hiển. Nay từ hơn mà nói, lại nói là pháp thân. Cho nên văn ...” là dẫn chứng công năng của liễu nhân. Thế nên biết tất cả những vốn có xưa nay là do vô trí, nên dùng hàng ngày mà không biết. Do có trí nên dặt hạnh đến quả có hạnh. Vô trí là nhân sinh tử mà thôi. “Có thân...”, là tùy văn giải nghĩa, Dựa vào khổ đạo xưa có thân... ngài Kinh Khê nói: Văn trước đã đem thân làm khổ đạo, tức là chánh nhân. Tiếp duyên nhân, và liễu nhân. Nay hợp lại làm chánh nhân. Lại thân làm chủng, thường sinh phước tuệ, là đối ba thứ có thể biết. Đây là văn kinh nói ba chủng. E cũng chấp quyền mà siêng năng thị hiện. Như người mắt có màng... chánh là căn cứ Phương đẳng, hình ở Nhị thừa mà dụ. Trước dụ Nhị thừa, kế dụ phàm phu. Điều là tánh không thấy mà dụ cho mắt có màng. Nhị thừa chán ghét sinh tử lại đem khổ thấy mà dụ; phàm phu không chán nên chỉ nói là mắt bệnh. Nếu đến thầy thuốc vụng, tức cơ phát dụ đến, giáo chủ tam tạng gọi là thầy thuốc vụng, tích pháp quán trí như châm cứu. Trợ đạo của Tiểu thừa như thuốc thoa. Ra khỏi khổ ba cõi như hết đau. Không được Phật trí Phật nhãn như mất hư. Mê lý trung đạo như không thấy sắc. Bốn chữ không chủng Như Lai tức hợp dụ. Nếu người ...” là dụ phàm phu. Phiền não còn nguyên thì chủng Như Lai còn, nên dụ nhãn căn không hư. Sau nếu gặp thầy. Đây tức thầy thuốc khéo chỉ dùng bùa chú. Như giáo chủ Viên chỉ nói viên đốn hiểu rõ chướng tức đức, dụ cho bệnh lành. Năm mắt đầy đủ, thấy lý ba đế, nên dụ nhãn căn thanh tịnh. Rộng căn cứ đạo phiền não, ngài Kinh Khê nói: Cũng là ba chủng Phật Như Lai. Ý cũng như khổ đạo trước nói: Tham ái tuy tức đã thuộc phiền não, nương thân nhờ nghiệp cũng có đủ ba, há cũng còn quán hoặc và hay phá hoặc ư? Tất quán hoặc đủ và hoặc do nghiệp khổ. Phiền não đã thế. Đối hai cái thù miên trạo cử của năm cái, cũng là báo pháp. Vì tương đối “đeo nhau) nên cũng đồng khổ. Do đó đều nói là ba. Nếu lìa chấp ngã thì riêng lậ ở ba. Chung riêng có ngã nên chỉ thành ba. Nếu lìa khỏi ngã, ngã khắp có ba bèn thành đẳng phần. Biệt môn mà nói nghĩa, là chấp đảo ở ấm nên chung thuộc thân vì thường đẳng biệt cho nên ở

khổ môn. Trong khổ đạo mà lìa khỏi bốn đảo. Biệt môn tức là biệt tướng niệm xứ thêm hay quán niệm nên xứ gọi là sinh. Nếu từ tướng sinh thân... lại nhận chánh cần, như ý cho đến giác đạo... các tên. Cho nên biết có thân... các văn cũng chuyển nhập vào sáu môn dưới. Đây... đều phải vô tác mà giải thích. Phải biết bốn đảo phi đạo sinh ra ba mươi bảy phẩm Phật đạo. Hay sinh căn bản...

Hỏi: Cái hay che thiên trái nhau với thiên tướng. Cái đi, thiên phát hay sinh ở đâu?

Đáp: Nếu căn cứ Tiểu thừa thì cái là trái nhau. Nếu từ đại giáo thì trái với cái thành định, nên dựa đại giáo mà gọi tướng sinh.

Nếu thế vì sao sinh ở căn bản thiên?

Đáp: Sự lý đều nói cho nên gồm phát sự. Hoặc là nguyên lấy tiểu giúp đại. Đây ở Biệt Thông không ngại. Vì do trong cái cũng đủ ba đạo, cho nên ước đạo mà nói ba. Lại ước khổ đạo. Hoa Nghiêm nói mười thứ sáu căn..., Tiêm sư nói: Cựu kinh quyển ba mươi lăm nói Phật tử Bồ-tát Ma-ha-tát có mười thứ nhãn: Đó là Nhục nhãn, Thiên nhãn, Tuệ minh pháp nhãn, Phật nhãn, Trí nhãn, Minh nhãn, Xuất sinh tử nhãn, Vô ngại nhãn, Phổ nhãn. Phật tử là Bồ-tát mười thứ nhãn căn. Nếu Bồ-tát thành tựu nhãn này thì được nhất thiết chư Phật vô thượng đại trí tuệ nhãn. Nhĩ... bốn căn còn lại mỗi thứ đều có mười loại, danh tướng đều khác, tất cả đều kết rằng được chư Phật vô thượng nhĩ cho đến vô thượng ý. Cho nên nay nói nhân là được nhập sáu căn Như Lai. Bởi vì sao ...” là nên biết. Nói thức trụ là thức được an trụ. Thức nghĩ nhớ rõ ràng không có não loạn. Vô hoại, tên ấy là trụ. Ác thú thì khổ đau làm hư hoại, tứ thiên thì vô tướng phá hoại, phi tướng thì diệt định phá hoại. Cũng địa ấy tâm tướng đều vi tế mật mờ, vì niệm không rõ ràng, nên thức không an trụ.

Hỏi: Dục giới cũng có ác thú phá hoại, sao lại lập thức trụ?

Đáp: Lấy địa hoại mà không lấy giới hoại. Ở Dục giới ác thú thiện thú, các thú trái địa khác khổ lạc. Nghĩa rất khác không dính lúu gì nên không phá hoại nhau, ngài Kinh Khê nói: Bảy thức trụ, thì xứ là sở trụ, trụ là năng trụ. Nếu theo ngài La-thập thì ở khổ tùy chỗ trụ xứ. Ba đạo đầy đủ cũng thành thông nhau. Tướng ba thông ước với lạc trụ của Tiểu thừa đồn thành vô chủng. Tuy nói lý bất lạc nhưng không phải toàn không.

Lại lược căn cứ ạo phiền não. Ngài Kinh Khê nói: “Là sinh thiện duyên. Lại từ đối trị chung làm quán cảnh, chủng nào mà chẳng thành.

Căn cứ nghiệp đạo, ngài Kinh Khê nói: Nhân ác sinh thiện... đây

là dẫn có thể chuyển đổi để làm chuẩn. Tất cả đại ác đều là lý không chuyển, đã chuyển là thiện sinh. Ba thứ bất hộ cần phải biết. Ác thể là thể bất hộ. Ví như đất ẩm hay sinh đất khô, khi thành đất khô rồi thì liền thành gạch ngói. Cho nên biết đất ẩm là thể của gạch ngói.

Căn cứ phiền não kết chung.

Ngài Tịnh Danh lại hỏi. Kinh nói “viết” là nói gì. Viết là đầu mối phát ra lời. Hứa Thận trong Thuyết Văn nói: Mở miệng thấy lưỡi gọi là viết. Ngài Tịnh Danh đã nghe ngài Văn-thù nói rộng ba đạo làm chủng. E người khác không hiểu nên có lời hỏi này. Để sinh việc nói ngài Văn-thù chê trách Tiểu thừa.

Ngài Văn-thù giải thích, có hai: a, phân khoa. b, tùy giải thích, chánh đáp, thí dụ làm sáng tỏ, nêu bày phân khoa. “ví như ...” là tùy văn giải nghĩa, có bốn:

1. Dụ liễu nhân chủng.

2. Dụ nhân duyên chủng. Ngài Kinh Khê nói: Kinh nói trồng trọt ở trên không, không có phân đất gọi là không, chẳng phải là hư không. Phân hoại mục là nói trừ bỏ đồ dơ. Chu Lễ nói đồ rã mục cũng là đất.

3. Dụ chánh nhân chủng.

4. Dụ chung về sinh ba chủng.

Ngài Đại Ca-diếp nhận khen thành, có hai: phân khoa. Và tùy giải thích, khen sự trừ liệu của kinh. Khổng An Quốc nói: Trừ là phân loại, thí dụ làm sáng tỏ, giải thích ý, nói quyển thuộc, nêu ý phân khoa, từ khoa trước bắt đầu thành đạo trước và nghĩa chủng. Ngài Tịnh Danh nói phi đạo là đạo. Ngài Văn-thù nói phi chủng là chủng. “Lại nữa ...” là y theo phẩm trước hiển bày thành. “ Văn có ...” là phân khoa. “Sơ vấn...” là tùy văn giải nghĩa. Hỏi nói người hay hỏi. Chánh nêu lời hỏi, hỏi quyển thuộc. hỏi tư sinh.

Đáp, gồm phân khoa, “đáp ...” là tùy giải thích, chánh đáp pháp thân quyển thuộc tư sinh tức là tự hành, nói quyển thuộc, nêu y nói chung, có hai: a, nêu lời đáp nói ý. b, quan ...” là phụ việc thành lý đại thân, tá, lại, thứ dân là mười Địa giúp Phật. Hành hóa hàng ma trừ địch như đại thân. Thập hướng sự lý sâu dần, chức gần bên vua như tá. Thập hạnh, sức tu các pháp các việc đuổi bắt như lại. Thập trụ như dân. Trước nhập cảnh giới Phật là khách mở đất đều là dân của vua. Nhiều lúa gạo phải làm kho chứa là dụ thiền định sinh một trăm lẻ tám Tam-muội. Nhiều vật phải làm kho, kho là dụ thật tướng hay phát mười tám trí tuệ không.

“Trí độ ...” là tùy văn giải thích riêng, rộng giải thích các hạnh,

giải thích sự, giải thích cha mẹ quyền thật, ước nghĩa lược giải thích. Nếu đến ..." là y kinh giải thích rộng, đối phẩm trước luận nghĩa, ước phẩm chánh nêu. Cố kim ..." là dẫn chứng giải thích thành hai. Lại hành ..." là trưng khoa trước luận nghĩa. An trụ thế đế là khi mới xuất thai. Vô minh cùng pháp sinh ra tất cả cách ngăn và trải phân biệt nên gọi là thế đế. An trụ là dùng chỉ quán mà an ở thế đế, tức là quán cảnh bất tư nghi, thành vị quán hành nên gọi là an trụ. Vì an trụ nên gọi là giá Thánh thai. Sơ trụ phá vô minh, khai Phật tri kiến nên gọi là mới xuất thai. Dùng quyền đến nhập giả là thật trí thì nhập không, quyền trí thì nhập giả.

Giải thích Đạo sư. Do sinh hai khí trời đất, trời là khí dương, đất là khí âm. Dương Tử trong pháp ngôn nói: Cha mẹ con là trời đất. Quán giải. Cúi đầu lễ Phật, trí độ không con, là văn đầu kệ quy kính của Đại luận mà ba bốn luận xưa không đồng, hoặc viết chữ đấng hoặc viết chữ (tử), hoặc viết chữ (ử) vì thể chữ dễ lầm nên lại viết chữ. Nói hoặc bảo tử là chủng tử, hoặc bảo tử là con cháu. Mỗi thứ đều có nghĩa, nên xưa nay chưa ai dám nhất định, nên nêu chung bốn nghĩa mà giải thích. Cho nên Cổ Luận Âm Nghĩa nói:

1. Không đồng "đấng), tất cả chúng sinh cùng Phật không đồng (không bằng Phật).

2. Vô ngại, Phật là pháp vương đối với pháp rất tự tại.

3. Không con. Lại có hai nghĩa: 1. Ở lý, Phật hay thế ngộ mà không sinh ra chân lý, nên nói là không con. b. Ở sự, Như Lai thì chủng tử sinh tử đã hết, nên gọi là không con.

Không con cũng có hai nghĩa: a. Bát-nhã gọi là Phật mẫu. Mẹ có bảy con, tức là Phật, Bồ-tát, Bích-chi và bốn quả, tức trong bảy vị này Phật là lớn nhất, nên nói không con. b. Trong vô minh tế không có con trí tuệ. Thích thêm có dẫn đủ văn này. Chỉ vì cách viết đổi chữ nên người học lấm mù mờ. Nay văn dẫn trong bốn nghĩa thì dùng nghĩa con cháu. Chỉ vì ở nhân nên gọi là con. Cho nên ngài Phổ Hiền gọi chân Phật tử. Cực quả siêu nhân nên nói là không con. Đây cùng với giải thích xưa hình như khác. Nếu lấy người lớn của bảy con thì cũng hơi thông.

"Pháp hỷ..." là lược giải các câu. Tướng Từ và Bi phù hợp đồng nhau, phù là hợp, cho nên ngài Kinh Khê nói: Tánh nữ thì nhu hòa, không cùng người khác tranh nhau. Như Từ và Bi để tập hợp nhau, hoặc viết chữ phù trì là do người sau đối đổi. Hoặc giống hoặc thật, ngài Kinh Khê nói: "Giống là hiền, thật là Thánh. Pháp môn bỉ ngạn, Ba-la-mật, Hán dịch là Đáo bỉ ngạn. Hai luân, tức là phước và tuệ. Nghiêm tề...

cũng như đấng lữ. Đấng là bằng, ngang nhau, cùng loại. Hán Thư nói: Đều đồng là rợ của bộ hạ. Kỹ nữ, nữ nhạc gọi là kỹ. Duyệt lự tức tâm lo lắng. Nói tư sinh. Như thế căn cứ giáo Biệt Viên... ngài Kinh Khê nói: Chỉ cần trước ước với hai giáo trước, rồi dần dần giải thích hết, kế ước hai giáo sau. Song hai giáo trước chỉ đoạn nội giới. Nếu dựa vào Biệt giáo mà trừ bỏ kiến tư nội giới ngoại giới, thì đều có trước sau, có thể dễ lệ nhau. Đấng địa đồng thể, lý không phải trước sau. Đối với Biệt giáo tuy lại nhập địa nhưng vẫn phân kiến tu trước sau khác nhau. Viên giáo một mực, trước sau không hai. Thế thì không thể phân kiến tu khác nhau đủ ước nội giới ở vị kiến tận, gọi là kiến tịnh và độ nghi tịnh. Nếu ước tư tận thì gọi là phân biệt tịnh và hạnh tịnh. Niết-bàn chỉ cho Phật quả rốt ráo, nếu ở chân vị thì lập ra bảy tịnh, không phân mà phân coi là bảy tịnh. Chuẩn vị bốn y mà nêu có thể thấy. Bồ-tát ở nhân..., vì trong bảy tịnh có đạo vô học, không phải là quả rốt ráo. Tức là Bồ-tát tu nhân vô học, cũng được gọi là Niết-bàn. Lại tu tám giải thoát trừ cấu, tức là đoạn. Riêng chương thông với vô tri và tu chín thứ đại thiện. Cũng có thể nói rằng ở trong các thiện đều trừ vô tri. Hoa man, tiếng Phạm nói đủ là Tô-ma, Hán dịch là Hoa. Tiếng Phạm nói Ma-la, Hán dịch là Man (tóc). Ở Tây Vực thợ kết tóc thường dùng hoa Tô-ma-na kết hoa thành xâu dài lớn. Bất luận nam nữ quý tiện đều dùng tràng hoa này để trang nghiêm. Hoặc treo trên đầu, trên thân để làm đẹp. Tư tức, tức là dứt sinh, tránh các loài sâu độc. Thì rơi vào Nhị địa, tức là đất Nhị thừa. Ngoại quốc dùng âm nhạc... Triệu sư nói: Ở ngoại quốc các vua chúa khi nằm ngủ muốn thức dậy thì tấu đờn sáo để đánh thức. Cam lộ, Sinh Công nói: Thức ăn của trời là vị cam lồ. Ngài La-thập nói: Các trời lấy cây thuốc nổi tiếng ở biển, dùng núi báu mài thành cam lồ, ăn vào thì thành tiên. Bạch Hổ Thông nói là rượu trời. Quán lý sám hối, là bậc Đẳng giác ở nhất phẩm cũng phải sám hối. Làm vô tác thiện, là dựa vào nghĩa Tiểu thừa như đã thường nói. Nay giữ giới trung đạo không làm hai biên gọi là làm vô tác. Kết công đức tự hành đầy đủ, tràng phan đẹp kiến tạo đạo tràng. Ngài La-thập nói: Ở ngoại quốc hễ phá địch được thắng thì dựng thắng phan đạo tràng. Hàng phục ma cũng biểu hiện tướng thắng ấy. Nói đại dụng nhập giả, thành phi đạo trước và chủng đều là hóa tha, có phân khoa. Và tùy giải thích, nhập giả cúng dường chư Phật. Nhập giả tịnh Phật quốc độ. nhập giả thành tựu chúng sinh:

1. Nhập giả để giác ngộ chúng sinh.
2. Nói dạy chúng sinh thế pháp. Kinh nói: Đều ở trong xuất gia đến tà kiến là chín mươi sáu thứ đều là ngoại đạo xuất gia. Tùy chỗ xuất

gia muốn cởi bỏ hoặc, không đồng với sự thấy của họ.

3. Nhập giả cứu tai nạn chúng sinh. Kinh nói hoặc làm nhật nguyệt thiên. Ngài La-thập nói: Ở kiếp sơ chưa có mặt trăng mặt trời, nên làm mặt trăng mặt trời để chiếu sáng. Làm các đại địa thủy phong, là ở sơ kiếp đất chưa có, dùng thần lực khiến sáu phương gió thổi, nước kết lại thành đất. Hoặc thấy người ra biển khơi thuyền sắp đắm bèn hóa làm đất khiến được an ổn. Cho đến chỗ nước lửa gió tùy chỗ cầu đều ứng hiện đủ, hoặc biến hóa ra hoặc lấy thân làm thức ăn và cây thuốc, đều như thế. Kiếp trung có đao binh... ngài La-thập nói: Khi đời kiếp tận thì đao binh khởi lên, tuổi thọ con người còn mười tuổi, thì Bà-tu-mật từ cung trời Đao-lợi hạ sinh xuống vương cung làm Thái tử. Ông dạy dỗ mọi người bảo rằng: Tổ phụ ta thọ mạng rất dài, do vì giận dữ không có từ tâm nên khiến thọ mạng ngắn như thế này. Thế nên các người cần tu từ tâm. Mọi người tuân lệnh, tâm ác giảm dần. Sau sinh con cái có tuổi thọ đến hai mươi. Như thế chuyển đổi dần đến khi ngài Di-lặc ra đời, thì thọ mạng lên đến tám vạn bốn ngàn tuổi. Nhập giả cứu khổ địa ngục, súc sinh. Nhập giả đồng sự lợi vật. Kinh nói: Khiến tâm ma bán loạn. Muốn nói hành thiền lại nhận năm dục. Muốn nói nhận năm dục lại hiện hành thiền, khó lường việc biến hóa, do đó mà bán loạn. Làm chủ một ấp, Tả truyện nói: phàm ấp có tông miếu của tiên quân thì gọi là kinh đô, nếu không có thì gọi là ấp. Để phù hộ, Thi tiêm nói hổ là phước. Nhĩ Nhã nói hổ là dày. Khiến trụ giới nhần tử. Ngài La-thập nói: Đời không có Thánh hiền thì chúng sinh thấp kém không vào được thâm pháp, nên dạy họ giới nhần. Kết khen tự tha. Kinh nói đạo vô lượng, vì ứng địch đều là đạo của Phật. Chê phá Nhị thừa, “trái bất tiểu”, Quảng Nhã nói tiểu giống như loại. Lễ ký nói: Con bất tiểu là nói con không giống cha tức thuộc loại ác.
